

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện
chính sách tinh giản biên chế đợt I năm 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ; Công văn số 4126/BNV-TCBC ngày 24/8/2021 của Bộ Nội vụ về việc xác định tuổi hưởng chính sách về hưu trước tuổi quy định tại Nghị định số 143/2020/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 719/TTr-SNV ngày 10/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế đợt I năm 2022 đối với 40 cán bộ, công chức, viên chức, cụ thể như sau:

1. Cán bộ, công chức: 14 người (chính sách về hưu trước tuổi: 12 người; chính sách thôi việc ngay: 02 người).

2. Viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập: 26 người (chính sách về hưu trước tuổi).

3. Tổng kinh phí thực hiện: 6.282.304.000 đồng (sáu tỷ, hai trăm tám mươi hai triệu, ba trăm lẻ bốn nghìn đồng).

Có biểu số 1a, biểu số 1c và biểu số 2 đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nội vụ

a) Thông báo các cơ quan, địa phương có cán bộ, công chức, viên chức được phê duyệt tinh giản biên chế theo Điều 1 Quyết định này để thực hiện thủ tục giải quyết chế độ, chính sách kịp thời theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp kết quả thực hiện tinh giản biên chế, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét để báo cáo Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính kiểm tra theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 113/2018/NĐ-CP.

2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm bố trí và hướng dẫn việc sử dụng kinh phí để đơn vị, địa phương thực hiện chi trả chế độ chính sách tinh giản biên chế theo quy định.

3. Bảo hiểm xã hội tỉnh chịu trách nhiệm hướng dẫn nghiệp vụ, chỉ đạo Bảo hiểm xã hội các huyện, thị xã, thành phố thực hiện giải quyết chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội đối với các đối tượng tinh giản biên chế theo quy định hiện hành của pháp luật.

4. Các cơ quan, địa phương có đối tượng tinh giản biên chế:

a) Triển khai thực hiện các thủ tục giải quyết chế độ, chính sách tinh giản biên chế cho cán bộ, công chức, viên chức đầy đủ, kịp thời theo đúng quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC.

b) Báo cáo kết quả thực hiện cho Sở Nội vụ, Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo cấp thẩm quyền theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và các cán bộ, công chức, viên chức tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Lưu: VT, K12.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

Biểu số 1a
DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO NHỮNG NGƯỜI NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI ĐỘT I NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liên kê		Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo số BHXH	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên	Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Kinh phí để thực hiện tinh giản biên chế (1000 đồng)				Lý do tinh giản		
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng						Tổng số	Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH	Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH			
A																												
TỔNG CỘNG				38 người																			5.672.626	2.895.885	1.248.250	1.625.291		
A Khôi Hành chính				12 người																				1.627.411	834.384	366.760	426.267	
Ban Tổ chức Tỉnh ủy																												
1	Đình Văn Mười	05/05/1966	Không	Công chức Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Vĩnh Thạnh	3,86	01/12/2020	0,2	01/9/2011	12%	01/12/2016								6.092	25 n 6 th	01/01/2022	55 t 7 th	132.501	85.288	30.460	16.753	Điểm c Khoản 1 Điều 1 ND 143		
									13%	01/12/2017																		
									14%	01/12/2018																		
									15%	01/12/2019																		
									16%	01/12/2020																		
									17%	01/12/2021																		
2	Sô Minh Quang	05/09/1966	Đại học	Kiểm tra viên Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Văn Canh	16% (4,98)	01/7/2020	0,2	01/7/2002	14%	01/8/2016	12%	01/7/2016							01/5/2022	55 t 7 th	262.413	136.066	48.595	77.752	Điểm d Khoản 1 Điều 1 ND 143			
									15%	01/8/2017	13%	01/7/2017																
									16%	01/8/2018	14%	01/7/2018																
									17%	01/8/2019	15%	01/7/2019																
									18%	01/8/2020	16%	01/7/2020																
									19%	01/8/2021	17%	01/01/2022																

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo số BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Kinh phí để thực hiện tinh giản biên chế (1000 đồng)				Lý do tinh giản			
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng		Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có PCKV hệ số 0.7 trở lên			Tổng cộng	Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH	Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH				
Ban Dân tộc tỉnh																													
3	Hồ Thị Hòa	21/01/1969	Đại học Lưu trữ và Quản trị văn phòng	Phó Chánh Thanh tra Ban Dân tộc tỉnh	4,98	01/10/2020	0,5	01/6/2017							4,65	01/10/2017	7.106	31 n 9 th		01/01/2022	52 t 11 th	135.014	56.848	35.530	42.636	Điểm d Khoản 1 Điều 1 ND 143			
UBND huyện Phù Cát																													
4	Trần Văn Trương	12/02/1964	Không	Công chức Văn phòng HĐND và UBND huyện	17% (3,48)	01/09/2021										16% (3,48)	01/09/2020	5.591	38 n 11 th		01/01/2022	57 t 10 th	125.798	44.728	27.955	53.115	Điểm c Khoản 1 Điều 1 ND 143		
																												13%	01/09/2017
																												14%	01/09/2018
																												15%	01/09/2019
																												16%	01/09/2020
17%	01/09/2021																												
5	Duong Văn Lân	02/10/1964	Sơ cấp Y tá	Chủ tịch Hội Cựu Chiến binh xã Cát Trinh	4,06	01/01/2019	0,15	01/05/2013									3,86	01/01/2017	5.867	29 n 6 th	01/01/2022	57 t 02 th	115.873	58.670	29.335	27.868	Điểm c Khoản 1 Điều 1 ND 143		
																												4,06	01/01/2019

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Số năm đóng BHXH theo số BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Kinh phí để thực hiện tinh giản biên chế (1000 đồng)				Lý do tinh giản		
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Tổng số			Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có PCKV hệ số 0.7 trở lên	Tổng cộng	Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH		Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH	
UBND huyện Vĩnh Thạnh																											
6	Đình Y Bung	02/02/1966	Trung cấp nghề Khuyến nông lâm (trình độ văn hóa)	công chức Phòng Nội vụ	21% (4,98)	01/4/2021									20% (4,98)	01/4/2020	8.373	30 n 11 th	01/01/2022	55 t 10 th	205.139	117.222	41.865	46.052	Điểm c Khoản 1 Điều 1 ND 143		
																										17%	01/4/2017
																										18%	01/4/2018
																										19%	01/4/2019
																										20%	01/4/2020
21%	01/4/2021																										
UBND thị xã Hoài Nhơn																											
7	Võ Đông	24/04/1966	Trung cấp Hạch toán - kế toán	Công chức Tài chính - Kế toán phường Hoài Tân	4,06	01/01/2021									3,66	01/01/2017	5.375	36 n 03 th	01/01/2022	55 t 8 th	146.469	75.250	26.875	44.344	Điểm c Khoản 1 Điều 1 ND 143		
																										3,86	01/01/2019
UBND huyện Tây Sơn																											
8	Nguyễn Văn Chấn	01/11/1965	Trung cấp Văn hóa	Công chức Văn hóa - Xã hội xã Bình Tường	2,66	01/01/2020									2,26	01/01/2016	3.653	23 n 6 th	01/6/2022	56 t 6 th	68.494	43.836	18.265	6.393	Điểm c Khoản 1 Điều 1 ND 143		
																										2,46	01/01/2018
																										2,66	01/01/2020

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo số BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Kinh phí để thực hiện tinh giản biên chế (1000 đồng)				Lý do tinh giản
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng		Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có PCKV hệ số 0.7 trở lên			Tổng cộng	Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH	Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH	
9	Đình Xuân Thành	03/05/1966	Trung cấp	Công chức Địa chính-Xây dựng xã Bình Nghi	3,86	01/7/2021									3,46	01/7/2017	5.012	22 n		01/01/2022	55 t 7 th	100.248	70.174	25.062	5.012	Điểm c Khoản 1 Điều 1 ND 143
	UBND huyện Vân Canh																									
10	Nguyễn Văn Kỳ	12.04.1964	Đại học Luật	Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường	4,98	01/07/2017				5% (0,249)	01/01/2021				4,65	01/01/2015	7.217	37 n 9 th		01/01/2022	57 t 8 th	158.773	57.736	36.085	64.952	Điểm d, Khoản 1, Điều 1, Nghị định số 143
11	Lê Thị Nhọt	28/12/1969	Trung cấp Nông nghiệp	Chủ tịch Hội LHPN xã Canh Hiệp	5% (4,06)	01/7/2021	0,15	01/01/2010		5%	01/7/2021				4,06	01/7/2019	5.785	30 n		1/1/2022	52 t	121.485	63.635	28.925	28.925	Điểm c Khoản 1 Điều 1 ND 143
12	Đình Văn Diễm	10/8/1963	Chưa qua đào tạo	Chủ tịch Hội Nông dân xã Canh Liên	2,25	01/9/2020									2,65	01/6/2014	3.562	27 n		01/01/2022	58t 4 th	55.204	24.931	17.808	12.465	Điểm c Khoản 1 Điều 1 ND 143

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Số năm đóng BHXH theo số BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Kinh phí để thực hiện tinh giản biên chế (1000 đồng)				Lý do tinh giản
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có PCKV hệ số 0.7 trở lên			Tổng cộng	Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH	Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH	
B	Đơn vị sự nghiệp			26 người																	4.045.215	2.061.501	881.490	1.199.024	
Ban Tổ chức Tỉnh ủy																									
1	Nguyễn Hoàng Sô	01/01/1964	Đại học	Biên tập viên Phòng Xây dựng Đảng - Nội chính - Ban đọc, Báo Bình Định	8% (4,98)	01/06/2021	0,3	01/10/2004							7% (4,98)	01/06/2020	7.706	37 n 01 th	01/01/2022	57 t 11 th	165.679	61.648	38.530	65.501	Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143
Sở Y tế																									
2	Trần Quang Tiến	02/6/1963	Trung cấp Y sĩ	Trưởng Trạm Y tế xã Cát Trinh	9% (4,06)	01/01/2021	0,2	01/12/2004							8% (4,06)	01/01/2020	6.271	34 n 6 th	01/01/2022	58 t 6 th	114.445	37.626	31.355	45.464	Điểm g Khoản 1 Điều 1 ND 143
Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn																									
3	Phạm Quảng	11/12/1965	Đại học Kế toán	Kế toán	9% (4,98)	01/02/2021									8% (4,98)	01/02/2020	7.478	39 n 3 th	01/01/2022	56 t	207.514	97.214	37.390	72.910	Điểm a Khoản 1 Điều 6 ND 108

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Số năm đóng BHXH theo số BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Kinh phí để thực hiện tinh giản biên chế (1000 đồng)				Lý do tinh giản
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Tổng số			Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có PCKV hệ số 0.7 trở lên	Tổng cộng	Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH	
UBND thị xã An Nhơn																									
4	Phan Mão	15/02/1965	Trung cấp SP Tiểu học	Giáo viên Trường Tiểu học Nhơn Lộc	14% (4.06)	01/10/2021			31%	03/01/2017	10%	01/10/2017			13% (4.06)	01/10/2020	8.438	37 n 4 th	01/01/2022	56 t 10 th	208.841	92.818	42.190	73.833	Điểm c Khoản 1 Điều 1 ND 143
									32%	03/01/2018	11%	01/10/2018													
									33%	03/01/2019	12%	01/10/2019													
									34%	03/01/2020	13%	01/10/2020													
									35%	03/01/2021	14%	01/10/2021													
UBND thị xã Hoài Nhơn																									
5	Đỗ Thị Kim Kha	01/11/1969	Đại học sư phạm Lịch sử	Giáo viên Lịch sử Trường THCS Hoài Châu	5% (4,98)	01/10/2020			23%	01/11/2016	5%	01/10/2020			4,98	01/10/2017	#REF!	30 n 02 th	52 t 01 th	96.800				Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143	
									24%	01/11/2017															
									25%	01/11/2018															
									26%	01/11/2019															
									27%	01/11/2020															
									28%	01/11/2021															
6	Lý Giang Hải	01/06/1965	Cao đẳng sư phạm Lý-KTCN	Giáo viên Lý Trường THCS Tam Quan	3,96	01/09/2019			15%	01/10/2016					3,65	01/09/2016	6.269	21 n 3 th	01/01/2022	56 t 6 th	111.275	75.228	31.345	4.702	Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143
									16%	01/10/2017															
									17%	01/10/2018															
									18%	01/10/2019															
									19%	01/10/2020															
									20%	01/10/2021															

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Số năm đóng BHXH theo số BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Kinh phí để thực hiện tinh giản biên chế (1000 đồng)				Lý do tinh giản
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Tổng số			Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có PCKV hệ số 0.7 trở lên	Tổng cộng	Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH	
7	Vũ Đình Nhãn	01/01/1965	Đại học sư phạm Mỹ thuật	Giáo viên Mỹ thuật Trường THCS Tam Quan Bắc	5% (4,98)	01/07/2020			22%	01/04/2016	5%	01/07/2020			4,98	01/07/2017	8.821	35 n 3 th	01/01/2022	56 t 11 th	209.499	97.031	44.105	68.363	Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143
									23%	01/04/2017															
									24%	01/04/2018															
									25%	01/04/2019															
									26%	01/04/2020															
									27%	01/04/2021															
8	Lê Thị Thủy Hồng	07/01/1968	Đại học sư phạm Sư - Chính trị	Giáo viên Sư Trường THCS Hoài Thanh	5% (4,98)	01/02/2020	0,15	01/01/2017	24%	01/09/2016	5%	01/02/2020			4,98	01/02/2017		31 t 4 th	01/01/2022	53 t 11 th	0	0	0	0	Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143
							0,15	01/01/2018	25%	01/09/2017															
							0	09/01/2018	26%	01/09/2018															
									27%	01/09/2019															
									28%	01/09/2020															
									29%	01/09/2021															
9	Nguyễn Thị Thủy Phượng	10/11/1968	Đại học sư phạm tiếng Anh	Giáo viên tiếng Anh Trường THCS Đào Duy Từ	4,65	01/05/2020			20%	01/04/2016					4,32	01/05/2017	7.622	27 n 9 th	01/01/2022	53 t 01 th	129.574	60.976	38.110	30.488	Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143
									21%	01/04/2017															
									22%	01/04/2018															
									23%	01/04/2019															
									24%	01/04/2020															
									25%	01/04/2021															

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Số năm đóng BHXH theo số BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Kinh phí để thực hiện tinh giản biên chế (1000 đồng)				Lý do tinh giản
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Tổng số			Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có PCKV hệ số 0.7 trở lên	Tổng cộng	Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH	
10	Nguyễn Văn Quang	01/01/1965	Đại học thể dục thể thao	Giáo viên Thể dục Trường tiểu học số 1 Bông Sơn	11% (4,98)	01/11/2020					7%	01/11/2016			10% (4,98)	01/11/2019	8.010	33 n 02 th	01/01/2022	56 t 11 th	180.225	88.110	40.050	52.065	Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143
									5%	01/05/2018	8%	01/11/2017													
									6%	01/05/2019	9%	01/11/2018													
									7%	01/05/2020	10%	01/11/2019													
									8%	01/05/2021	11%	01/11/2020													
11	Lê Đình Quang	08/04/1964	Đại học sư phạm tiểu học	Giáo viên Tiểu học Trường tiểu học số 2 Hoài Hào	4,98	01/10/2019			31%	01/02/2016				4,65	01/10/2016	9.048	38 n 5 th	01/01/2022	57 t 8 th	201.318	72.384	45.240	83.694	Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143	
									32%	01/02/2017															
									33%	01/02/2018															
									34%	01/02/2019															
									35%	01/02/2020															
									36%	01/02/2021															
12	Trần Thị Tâm	08/10/1968	Đại học sư phạm tiểu học	Giáo viên Tiểu học Trường tiểu học số 1 Tam Quan Bắc	4,98	01/10/2020			24%	01/02/2016				4,65	01/10/2017	8.373	31 n 5 th	01/01/2022	53 t 02 th	148.621	58.611	41.865	48.145	Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143	
									25%	01/02/2017															
									26%	01/02/2018															
									27%	01/02/2019															
									28%	01/02/2020															
									29%	01/02/2021															

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo số BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Kinh phí để thực hiện tinh giản biên chế (1000 đồng)				Lý do tinh giản
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng		Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có PCKV hệ số 0.7 trở lên			Tổng cộng	Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH	Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH	
13	Huỳnh Văn Vân	14/04/1965	Cao đẳng sư phạm tiểu học	Giáo viên Tiểu học Trường tiểu học số 2 Tam Quan Nam	3,96	01/12/2020			19%	01/05/2016						3,65	01/12/2017	6.278	27 n 9 th	01/01/2022	56 t 8 th	125.560	69.058	31.390	25.112	Điểm e Khoản 1 Điều 1 NĐ 143
									20%	01/05/2017																
									21%	01/05/2018																
									22%	01/05/2019																
									23%	01/05/2020																
									24%	01/05/2021																
14	Nguyễn Thị Công	29/06/1969	Trung cấp thư viện	Nhân viên Thư viện Trường tiểu học số 1 Hoài Hào	3,26	01/03/2020									3,06	01/03/2018	4.347	31 n 3 th	01/01/2022	52 t 6 th	90.200	43.470	21.735	24.995	Điểm e Khoản 1 Điều 1 NĐ 143	
15	Lê Thị Thanh Bình	19/05/1968	Đại học sư phạm tiểu học	Giáo viên Tiểu học Trường tiểu học số 1 Tam Quan	4,98	01/10/2019			27%	01/03/2016						4,65	01/10/2016	8.817	34 n 3 th	01/01/2022	53 t 7 th	169.727	61.719	44.085	63.923	Điểm e Khoản 1 Điều 1 NĐ 143
									28%	01/03/2017																
									29%	01/03/2018																
							0,15	01/09/2020	30%	01/03/2019																
							0	01/06/2021	31%	01/03/2020																
									32%	01/03/2021																

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Số năm đóng BHXH theo số BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Kinh phí để thực hiện tinh giản biên chế (1000 đồng)				Lý do tinh giản
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Tổng số			Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có PCKV hệ số 0.7 trở lên	Tổng cộng	Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH	
16	Nguyễn Hồng Thuận	20/06/1965	Đại học sư phạm Ngữ văn	Giáo viên Văn Trường THCS Hoài Thanh	7% (4,98)	01/10/2020			28%	01/09/2016					6% (4,98)	01/10/2019	9.500	35 n 4 th	01/01/2022	56 t 6 th	235.125	114.000	47.500	73.625	Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143
									29%	01/09/2017															
									30%	01/09/2018															
									31%	01/09/2019	5%	01/10/2018													
									32%	01/09/2020	6%	01/10/2019													
									33%	01/09/2021	7%	01/10/2020													
17	Phan Long Bá	07/05/1966	Đại học sư phạm Vật lý	Giáo viên Lý Trường THCS Hoài Thanh Tây	6% (4,98)	01/04/2021			27%	01/09/2016					5% (4,98)	01/10/2019	9.214	34 n 4 th	01/01/2022	55 t 7 th	241.868	128.996	46.070	66.802	Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143
									28%	01/09/2017															
									29%	01/09/2018															
									30%	01/09/2019															
									31%	01/09/2020	5%	01/10/2019													
									32%	01/09/2021	6%	01/04/2021													
18	Tôn Thị Cảnh	06/08/1970	Đại học sư phạm Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học Tiểu học 1 Hoài Hương	4,32	01/05/2019			25%	01/05/2016					3,99	01/05/2016	7.421	31 n 10 th	01/01/2022	51 t 4 th	178.104	96.473	37.105	44.526	Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143
									26%	01/05/2017															
									27%	01/05/2018															
									28%	01/05/2019															
									29%	01/05/2020															
									30%	01/05/2021															

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo số BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Kinh phí để thực hiện tinh giản biên chế (1000 đồng)				Lý do tinh giản
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng		Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có PCKV hệ số 0.7 trở lên			Tổng cộng	Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH	Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH	
19	Nguyễn Văn Xin	23/09/1965	Cao đẳng sư phạm Nga; Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên Tiểu học	Giáo viên Tiểu học số 1 Hoài Châu Bắc	5% (4,89)	01/07/2021			26%	01/09/2016	5%	01/07/2021			4,89	01/01/2018	8.767	33 n 4 th	01/01/2022	56 t 3 th	216.983	113.971	43.835	59.177	Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143	
									27%	01/09/2017																
									28%	01/09/2018																
									29%	01/09/2019																
									30%	01/09/2020																
									31%	01/09/2021																
20	Lê Phước Nguyễn	12/02/1966	Đại học sư phạm Tiểu học	Giáo viên tiểu học số 2 Bông Sơn	4,98	01/09/2018			29%	01/03/2016					4,65	01/09/2015	9.040	36 n 4 th	01/01/2022	55 t 10 th	246.340	126.560	45.200	74.580	Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143	
									30%	01/03/2017																
									31%	01/03/2018																
									32%	01/03/2019																
									33%	01/03/2020																
									34%	01/03/2021																
21	Nguyễn Chánh	22/12/1965	Đại học sư phạm Tiểu học	Giáo viên tiểu học số 1 Hoài Thanh Tây	4,65	01/07/2021			26%	01/03/2016					4,32	01/01/2018	7.779	33n 4 th	01/01/2022	56 t	192.530	101.127	38.895	52.508	Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143	
									27%	01/03/2017																
									28%	01/03/2018																
									29%	01/03/2019																
									30%	01/03/2020																
									31%	01/03/2021																

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Số năm đóng BHXH theo số BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Kinh phí để thực hiện tinh giản biên chế (1000 đồng)				Lý do tinh giản		
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Tổng số			Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có PCKV hệ số 0.7 trở lên	Tổng cộng	Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH		Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH	
22	Huỳnh Thọ Trường	10/6/1966	Trung cấp kỹ thuật	Nhân viên Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao	16% (3,63)	01/12/2020			12%	01/12/2016					15% (3,63)	01/12/2019	5.632	33n 10 th	01/01/2022	55 t 6 th	152.064	84.480	28.160	39.424	Điểm g Khoản 1 Điều 1 ND 143		
									13%	01/12/2017																	
									14%	01/12/2018																	
									15%	01/12/2019																	
23	Võ Lữ	11/03/1966	Không	Nhân viên Bảo vệ rừng	22% (3,63)	01/12/2021			17%	01/12/2016					21% (3,63)	01/12/2020	6.074	37n 11t	01/01/2022	55 t 9 th	170.072	85.036	30.370	54.666	Điểm c Khoản 1 Điều 1 ND 143		
									18%	01/12/2017																	
									19%	01/12/2018																	
									20%	01/12/2019																	
									21%	01/12/2020																	
									22%	01/12/2021																	
UBND huyện Phù Mỹ																											
24	Trần Ngọc Kiên	10/05/1966	Đại học SP Toán	Phó Hiệu trưởng Trường THCS thị trấn Bình Dương	7% (4,98)	01/10/2021	0,25	01/09/2011	27%	01/9/2016					6% (4,98)	01/10/2020	9.614	34 n 01th	01/01/2022	55 t 7 th	249.964	134.596	48.070	67.298	Điểm g Khoản 1 Điều 1 ND 143		
									28%	01/9/2017																	
									29%	01/9/2018																	
									30%	01/9/2019																5%	01/10/2019
									31%	01/9/2020																6%	01/10/2020
									32%	01/09/2021																7%	01/10/2021

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo số BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Kinh phí để thực hiện tinh giản biên chế (1000 đồng)				Lý do tinh giản
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng		Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên			Tổng cộng	Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH	Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH	
UBND huyện Tây Sơn																										
25	Nguyễn Văn Quá	27/05/1962	Trung cấp SP	Giáo viên Trường Tiểu học Vĩnh An	4,06	01/9/2009			38%	01/3/2021	15%	01/9/2021			3,86	01/9/2007	9.600	40 n 4 th		01/01/2022	59 t 7 th	0	0	0	0	Điểm c Khoản 1 Điều 1 ND 143
26	Huỳnh Thị Lệ Thủy	10/11/1969	Đại học Kế toán	Kế toán Trường THCS Mai Xuân Thưởng	4,32	01/6/2021	0,2	01/9/2018							3,66	01/12/2014	5.779	22 n 6 th		01/01/2022	52 t 01 th	99.688	63.569	28.895	7.224	Điểm c Khoản 1 Điều 1 ND 143
															3,99	01/12/2017										
															4,32	01/6/2021										

Biểu số 1c
DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO NHỮNG NGƯỜI THÔI VIỆC NGAY ĐỢT II NĂM 2021
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

T T	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung		Hệ số chênh lệch bảo lưu		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp do đóng BHXH (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Kinh phí để thực hiện tinh giản biên chế (1000 đồng)			Lý do tinh giản
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại	Tổng cộng	
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	27	
TỔNG CỘNG			2 người																			424.878	38.619	386.259		
Sở Nông nghiệp và PTNT																										
1	Phạm Tấn Phát	25/03/1968	Đại học ngành cây cao su	Chuyên viên phòng Kế hoạch - Tổng hợp, Sở Nông nghiệp và PTNT	4,98	01/12/2021								4,65	01/12/2018	7.420	6.373	25 n 5 th		01/01/2022	53 t 9 th	266.019	22.260	243.759	Điểm a Khoản 1 Điều 6 ND 108	
UBND huyện Phù Cát																										
2	Nguyễn Từ Thiện	25/7/1970	Đại học QTKD	Công chức Phòng Nội vụ	3,66	01/11/2017	0,3	01/10/2016							3,00	01/11/2011	5.453	5.000	18 n 11 th	01/01/2022	51 t 5 th	158.859	16.359	142.500	Điểm g khoản 1 Điều 1 ND 143	
							0	01/7/2020					3,33	01/11/2014												
													3,66	01/11/2017												

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000đ)	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000đ)	Số năm đóng BHXH theo số BHXH	Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Chia theo nguồn kinh phí thực hiện (1000 đ)		Lý do tinh giản					
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng						Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyên sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng kính phi thường xuyên từ NSNN	Thời việc ngay	Thời việc sau khi đi học nghề		Kinh phí CQ chi từ dự toán NS hàng năm, nguồn thu, nguồn KP hợp pháp khác của đơn vị. Quý hỗ trợ LĐ đối dư	Ngân sách nhà nước cấp						
UBND huyện Vân Canh																																		
12	Nguyễn Văn Kỳ	12/04/1964	Đại học Luật	Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường	4,98	01/07/2017					5%	01/01/2021			4,65	01/01/2015		7.217	37 n 9 th	01/01/2022	57 t 8 th	X						158.773	0	158.773		Điểm d Khoản 1 Điều 1 ND 143		
13	Lê Thị Nhọt	28/12/1969	Trung cấp Nông nghiệp	Chủ tịch Hội LHPN xã Canh Hiệp	5% (4,06)	01/7/2021	0,15	01/01/2010			5%	01/7/2021			4,06	01/7/2019		5.785	30 n 0 th	01/01/2022	52 t	X					121.485	0	121.485		Điểm c Khoản 1 Điều 1 ND 143			
14	Đình Văn Diển	23.233	Chưa qua đào tạo	Chủ tịch Hội Nông dân xã Canh Liên	2,25	44.075									2,65	41.791		3.353	3.562	27 n	44.562	58 t 4 th	X				55.204	0	55.204		Điểm c Khoản 1 Điều 1 ND 143			
B	Khối sự nghiệp			26 người																							26	0	0	0	4.230.015	207.514	4.022.501	
Ban Tổ chức Tỉnh ủy																																		
1	Nguyễn Hoàng Số	01/01/1964	Đại học	Biên tập viên Phòng Xây dựng Đảng - Nội chính - Ban đọc, Báo Bình Định	8% (4,98)	01/06/2021	0,3	01/10/2004							7% (4,98)	01/06/2020		7.706	37 n 01 th	01/01/2022	57 t 11 th	X					165.679	0	165.679		Điểm c Khoản 1 Điều 1 ND 143			

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000đ)	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000đ)	Số năm đóng BHXH theo số BHXH	Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Chia theo nguồn kinh phí thực hiện (1000 đ)		Lý do tinh giản	
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng						Hệ số	Thời điểm hưởng	Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyên sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN		Thời việc ngay	Thời việc sau khi đi học nghề		Kinh phí CQ chi từ dự toán NS hàng năm, nguồn thu, nguồn KP hợp pháp khác của đơn vị, Quỹ hỗ trợ LĐ đối dư
6	Lý Giang Hải	01/06/1965	Cao đẳng sư phạm Lý-KTCN	Giáo viên Lý Trường THCS Tam Quan	3,96	01/09/2019			15%	01/10/2016								6.269	21 n 3 th	01/01/2022	56 t 6 th	X				111.275	0	111.275	Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143	
									16%	01/10/2017																				
									17%	01/10/2018																				
									18%	01/10/2019																				
									19%	01/10/2020																				
									20%	01/10/2021																				
7	Vũ Đình Nhân	01/01/1965	Đại học sư phạm Mỹ thuật	Giáo viên Mỹ thuật Trường THCS Tam Quan Bắc	5% (4,98)	01/07/2020			22%	01/04/2016							4,98	01/07/2017	8.821	35 n 3 th	01/01/2022	56 t 11 th	X				209.499	209.499	Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143	
									23%	01/04/2017																				
									24%	01/04/2018																				
									25%	01/04/2019																				
									26%	01/04/2020																				
									27%	01/04/2021																				
8	Lê Thị Thủy Hồng	07/01/1968	Đại học sư phạm Sư - Chính trị	Giáo viên Sư Trường THCS Hoài Thanh	5% (4,98)	01/02/2020	0,15	01/01/2017	24%	01/09/2016							4,98	01/02/2017		31 t 4 th	01/01/2022	53 t 11 th	X				0	0	0	Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143
							0,15	01/01/2018	25%	01/09/2017																				
							0	09/01/2018	26%	01/09/2018																				
									27%	01/09/2019																				
									28%	01/09/2020																				
									29%	01/09/2021																				

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000đ)	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000đ)	Số năm đóng BHXH theo số BHXH	Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Chia theo nguồn kinh phí thực hiện (1000 đ)		Lý do tinh giản
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng						Hệ số	Thời điểm hưởng	Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyên sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN		Thời việc sau khi đi học nghề	Kinh phí CQ chi từ dự toán NS hàng năm, nguồn thu, nguồn KP hợp pháp khác của đơn vị, Quỹ hỗ trợ LĐ đời	
9	Nguyễn Thị Thuý Phượng	10/11/1968	Đại học sư phạm tiếng Anh	Giáo viên tiếng Anh Trường THCS Đào Duy Từ	4,65	01/05/2020			20%	01/04/2016					4,32	01/05/2017		7.622	27 n 9 th	01/01/2022	53 t 01 th	X			129.574	0	129.574	Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143	
								21%	01/04/2017																				
								22%	01/04/2018																				
								23%	01/04/2019																				
								24%	01/04/2020																				
								25%	01/04/2021																				
10	Nguyễn Văn Quảng	01/01/1965	Đại học thể dục thể thao	Giáo viên Thể dục Trường tiểu học số 1 Bông Sơn	11% (4,98)	01/11/2020			7%	01/11/2016					10% (4,98)	01/11/2019		8.010	33 n 02 th	01/01/2022	56 t 11 th	X			180.225	0	180.225	Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143	
								5%	01/05/2018	8%	01/11/2017																		
								6%	01/05/2019	9%	01/11/2018																		
								7%	01/05/2020	10%	01/11/2019																		
								8%	01/05/2021	11%	01/11/2020																		
11	Lê Đình Quang	08/04/1964	Đại học sư phạm tiểu học	Giáo viên Tiểu học Trường tiểu học số 2 Hoài Hảo	4,98	01/10/2019			31%	01/02/2016					4,65	01/10/2016		9.048	38 n 5 th	01/01/2022	57 t 8 th	X			201.318	0	201.318	Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143	
								32%	01/02/2017																				
								33%	01/02/2018																				
								34%	01/02/2019																				
								35%	01/02/2020																				
								36%	01/02/2021																				
12	Trần Thị Tâm	08/10/1968	Đại học sư phạm tiểu học	Giáo viên Tiểu học Trường tiểu học số 1 Tam Quan Bắc	4,98	01/10/2020			24%	01/02/2016					4,65	01/10/2017		8.373	31 n 5 th	01/01/2022	53 t 02 th	X			148.621	0	148.621	Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143	
								25%	01/02/2017																				
								26%	01/02/2018																				
								27%	01/02/2019																				
								28%	01/02/2020																				
								29%	01/02/2021																				

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000đ)	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000đ)	Số năm đóng BHXH theo số BHXH	Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Chia theo nguồn kinh phí thực hiện (1000 đ)		Lý do tinh giản
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng						Hệ số	Thời điểm hưởng	Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyên sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng kính phi thường xuyên từ NSNN		Thời việc ngay	Thời việc sau khi đi học nghề	
17	Phan Long Bá	07/05/1966	Đại học sư phạm Vật lý	Giáo viên Lý Trường THCS Hoài Thanh Tây	6% (4,98)	01/04/2021			27%	01/09/2016	5% (4,98)	01/10/2019			9.214	34 n 4 th	01/01/2022	55 t 7 th	X				241.868	0	241.868	Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143			
									28%	01/09/2017																			
									29%	01/09/2018																			
									30%	01/09/2019																			
									31%	01/09/2020																	5%	01/10/2019	
									32%	01/09/2021																	6%	01/04/2021	
18	Tôn Thị Cảnh	06/08/1970	Đại học sư phạm Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học Tiểu học 1 Hoài Hương	4,32	01/05/2019			25%	01/05/2016	3,99	01/05/2016			7.421	31 n 10 th	01/01/2022	51 t 4 th	X			178.104	0	178.104	Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143				
									26%	01/05/2017																			
									27%	01/05/2018																			
									28%	01/05/2019																			
									29%	01/05/2020																			
									30%	01/05/2021																			
19	Nguyễn Văn Xin	23/09/1965	Cao đẳng sư phạm Nga; Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên Tiểu học	Giáo viên Tiểu học Tiểu học số 1 Hoài Châu Bắc	5% (4,89)	01/07/2021			26%	01/09/2016	5%	01/07/2021			8.767	33 n 4 th	01/01/2022	56 t 3 th	X			216.983	0	216.983	Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143				
									27%	01/09/2017																			
									28%	01/09/2018																			
									29%	01/09/2019																			
									30%	01/09/2020																			
									31%	01/09/2021																			

